TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Mai Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Đỗ Thị Huê.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Bích Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 08-02-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST – HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Ngọc L, sinh năm 1992. Có mặt.

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Vì Thị H, sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020, các bản khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hà Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vì Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn A, xã K, huyện T. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có con chung, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh thấy tình cảm giữa anh và chị Vì Thị H không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vì Thị H.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2020, chị Vì Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời trình bày của anh Hà Ngọc L về hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/4/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Hà Ngọc L không còn, anh Hà Ngọc L làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Qúa trình giải quyết vụ án chị Vì Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để hòa giải, hơn nữa anh Hà Ngọc L đề nghị không hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Vì Thị H đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, chị Vì Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Vì Thị H theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hà Ngọc L và chị Vì Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/4/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh chị không có con chung, vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm hay xảy ra cãi vã. Anh Hà Ngọc L và chị Vì Thị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho anh chị. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân của anh Hà Ngọc L và chị Vì Thị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho anh Hà Ngọc L được ly hôn chị Vì Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, về tài sản và nợ chung*: Các đương sự công nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] *Về án phí:* Anh Hà Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hà Ngọc L được ly hôn chị Vì Thị H.

2. *Về án phí*: Anh Hà Ngọc L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007949 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 27/11/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Mai Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mai Hằng